

Số: /SNNMT-MTKS

Lạng Sơn, ngày tháng 3 năm 2025

V/v kê khai nộp phí bảo vệ môi trường
đối với khí thải

Kính gửi: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh
(có danh sách cụ thể kèm theo)

Căn cứ Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải; ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Lạng Sơn tại Công văn số 39/UBND-KT ngày 09/01/2025 về việc triển khai, thực hiện quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; sau khi rà soát, Sở Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu các đơn vị thực hiện kê khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải của cơ sở (theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP, có gửi kèm theo Công văn này).

Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các đơn vị thực hiện kê khai một số nội dung như sau:

I. HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MỘT SỐ NỘI DUNG

Người nộp phí (tổ chức, đơn vị nộp phí) có trách nhiệm kê khai phí theo **Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP** (có Mẫu số 01 gửi kèm Công văn này) trong trường hợp đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường hoặc thuộc đối tượng cấp Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Hướng dẫn kê khai một số thông tin như sau:

1. Kê khai tại mục A (Thông tin chung)

Tùy theo loại hình sản xuất hiện tại, đơn vị có thể nghiên cứu, tham khảo đối chiếu để xác định các nguồn thải cụ thể theo danh mục dự án xả bụi, khí thải phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ quy định tại cột (2), (3) và (4) **Phụ lục XXIX** Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 56 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (trang 67, 91)).

2. Kê khai tại mục B (Thông tin về hoạt động trong kỳ tính phí)

Căn cứ để kê khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải được xác định theo Giấy phép môi trường; số liệu quan trắc định kỳ hoặc quan trắc tự động, liên tục khí thải của cơ sở (lưu ý tính riêng đối với từng dòng khí thải trong trường hợp cơ sở có nhiều dòng khí thải khác nhau).

3. Kê khai tại mục C (Số phí biến đổi phải nộp trong kỳ tính phí)

Chỉ áp dụng đối với cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ hoặc quan trắc khí thải tự động, liên tục. Không áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ hoặc quan trắc tự động, liên tục theo nội dung Giấy phép môi trường được cấp (hoặc theo thực tế phát thải

dựa trên lưu lượng khí thải phát sinh để đối chiếu với đối tượng quy định tại Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP để xác định).

4. kê khai tại mục D (Số tiền phí BVMT đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước)

Trường hợp cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải, mục này kê khai số phí cố định (f) phải nộp là 3.000.000 đồng/năm.

Trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ hoặc quan trắc khí thải tự động, liên tục: số phí phải nộp được thực hiện theo 04 quý trong năm, được tính theo công thức: $F = f + C$ (với $f = 3.000.000$ đồng/năm; C là phí biến đổi tính theo từng quý, xác định theo công thức quy định tại **Điều 5 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP** để xác định tổng số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước trong quý tính phí).

II. NỘP TỜ KHAI VÀ PHÍ

Người nộp phí (tổ chức, đơn vị nộp phí) phải thực hiện đúng các trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP, gửi Tờ khai phí đến cơ quan thẩm định theo một trong các hình thức sau đây:

(1) Nộp Tờ khai trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (*địa chỉ cơ sở 1: số 118 đường Ba Sơn, thôn Đồi Chè, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn*);

(2) Nộp Tờ khai qua dịch vụ bưu chính đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (*địa chỉ cơ sở 1: số 118 đường Ba Sơn, thôn Đồi Chè, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn*);

(3) Nộp Tờ khai theo hình thức trực tuyến (kèm theo hồ sơ liên quan như kết quả quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải đã thực hiện trong kỳ kê khai làm cơ sở thẩm định) tại Cổng dịch vụ công trực tuyến (<https://dichvucong.langson.gov.vn/>) (*Để biết cụ thể cách nộp hồ sơ trực tuyến, chủ dự án truy cập vào Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường), vào mục “Hướng dẫn nộp hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến” xem clip hướng dẫn*).

Thời hạn nộp Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo một trong các hình thức nêu trên **trước ngày 20/4/2025** để thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, số phí phải nộp theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo để các đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các huyện, thành phố Lạng Sơn;
- Lãnh đạo Sở;
- Thanh tra Sở;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Văn phòng (theo dõi);
- Lưu: VT, MTKS(hnhAnh).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Trục

Phụ lục

Mẫu kê khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải
(Kèm theo Công văn số:...../SNNMT-MTKS ngày .../3/2025 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn)

Mẫu số 01¹

TÊN NGƯỜI NỘP PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Quý.... Năm

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên người nộp phí:

.....

Địa chỉ:

.....
.....

MST:																			
------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

.....

Tài khoản số:..... Tại ngân hàng:

.....

Loại hình, lĩnh vực sản xuất:

.....

Khí thải phát sinh từ cơ sở thuộc đối tượng chịu phí theo quy định như sau: (Kê khai các dòng khí thải phải tính phí của cơ sở)

B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ TÍNH PHÍ

i. Thông tin về dòng khí thải thứ i

i.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ):

i.2. Lưu lượng khí thải phát sinh ($\text{Nm}^3/\text{giờ}$):

i.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm^3)	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí
------------------	--	--

¹ Ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

		thải thứ i (C_i)
Bụi		
NO _x (gồm NO ₂ và NO)		
SO _x		
CO		

i.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải (Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường):

C. SỐ PHÍ BIẾN ĐỔI PHẢI NỘP TRONG KỲ ($C = \sum C_i$)*

C = đồng.

D. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này = đồng.

2. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh trong kỳ $F = f/4 + C$	
2	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có)	
4	Số phí còn phải nộp vào ngân sách nhà nước ($1 + 2 - 3$)	

3. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước (Viết bằng chữ):;

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị.

Cơ quan tiếp nhận, thẩm định

Tờ khai phí

Tờ khai phí ngày

(Người nhận ký và ghi rõ họ tên/Ký số)

....., ngày ... tháng ... năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

KHAI, NỘP PHÍ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký điện tử/Ký số)

***Ghi chú:** Đối với cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải không phải kê Mục C Tờ khai phí này.